

Unit 6: Vietnamese lifestyles: then and now

A. Vocabulary

Từ vựng	Phiên âm	Từ loại	Nghĩa	Ví dụ
lifestyle	/laɪfstaɪl/	(n)	phong cách sống, lối sống	A minimalist lifestyle helps reduce stress.
different (from)	/'dɪfrənt/	(adj)	khác biệt (so với)	The way she thinks is very different from mine.
play outdoors	/pleɪ ɑʊtˈdɔːrɪz/	(v)	chơi ngoài trời	The kids are playing outdoors in the park.
natural material	/'nætʃrəl mə'tɪəriəl/	(n)	chất liệu tự nhiên	The chair is made from natural materials.
depend on	/dɪ'pend ɑ:n/	(v)	phụ thuộc (vào)	She depends on her brother for support.
electronic device	/,el.ek'trɒn.ɪk dɪ'vaɪs/	(n)	thiết bị điện tử	He bought a new electronic device yesterday.
traditional game	/trə'dɪʃ.ən.əl geɪm/	(n)	trò chơi truyền thống	Playing traditional games is a part of our culture.
leave school	/li:v sku:l/	(v)	rời trường học	I always leave school at 3 PM.
support	/sə'pɔ:t/	(v)	hỗ trợ	The community came together to support the cause.
living condition	/'lɪvɪŋ kən'dɪʃn/	(n)	điều kiện sống	The living conditions in the city are improving.
(be) made from	/meɪd frəm/	(v)	được làm từ	This bag is made from recycled materials.
opportunity	/,ɒpə'tju:nəti/	(n)	cơ hội	She was given an opportunity to travel abroad.
freedom	/'fri:dəm/	(n)	sự tự do	Having freedom of choice is important.
dye	/daɪ/	(v)	nhuộm (tóc)	She plans to dye her hair red.
generation	/,dʒenə'reɪʃn/	(n)	thế hệ	This generation is very tech-savvy.
pursue	/pə'sjuː/	(v)	theo đuổi	He decided to pursue a career in medicine.
previous	/'pri əs/	(adj)	trước đây	I found my previous job very stressful.
take note	/teɪk nəʊt/	(phr.v)	ghi chú	The teacher asked us to take notes during the lecture.
memorise	/'meməraɪz/	(v)	ghi nhớ	You need to memorise these formulas for the test.
replace	/rɪ'pleɪs/	(v)	thay thế	They will replace the old chairs with new ones.
democratic	/,demə'krætɪk/	(adj)	dân chủ	Our school has a democratic system for elections.
various	/'veəriəs/	(adj)	khác nhau, đa dạng	The store sells various types of fruits.
family-oriented	/'fæməli 'ɔːrientɪd/	(adj)	định hướng gia	The company promotes a

			đình	family-oriented culture.
personal	/ˈpɜːsənl/	(adj)	cá nhân	She keeps a personal diary.
extended family	/ɪkˈstendɪd ˈfæməli/	(adj)	đại gia đình	We often visit our extended family on holidays.
independent	/ˌɪndɪˈpendənt/	(adj)	độc lập, tự chủ	He became independent after moving out of his parents' house.
give up	/ɡɪv ʌp/	(phr.v)	từ bỏ	She never gives up on her dreams.
hi-tech appliance	/ˌhaɪ ˈtek əˈplaɪənsɪz/	(n)	thiết bị công nghệ cao	The kitchen is equipped with hi-tech appliances.
use for	/juːz fɔː/	(phr.v)	sử dụng cho	This room is used for meetings.
private	/ˈpraɪvɪt/	(adj)	riêng tư	She prefers to keep her life private.
design	/dɪˈzaɪn/	(v)	thiết kế (cho)	The new app is designed for ease of use.
ride a buffalo	/raɪd ə ˈbʌfələʊ/	(v)	cưỡi trâu	He learned how to ride a buffalo from his father.
traditional farming tools	/trəˈdɪʃənl ˈfɑːmɪŋ tuːlz/	(n)	dụng cụ làm nông truyền thống	Farmers still use traditional farming tools in this village.
promise	/ˈprɒmɪs/	(v)	hứa	He promised to call me tomorrow.
transportation	/ˌtrænsˈpɔːteɪʃn/	(n)	vận tải	Public transportation is very convenient here.
education	/ˌedʒuˈkeɪʃn/	(n)	giáo dục	Education is a priority for this government.
performance	/pəˈfɔːməns/	(n)	màn trình diễn	The performance received a standing ovation.
professional training	/prəˈfeʃənl ˈtreɪnɪŋ/	(n)	đào tạo chuyên nghiệp	He attended a professional training course last year.
traditional costume	/trəˈdɪʃənl ˈkɒstjʊm/	(n)	trang phục truyền thống	She wore a traditional costume to the festival.
eating habit	/ˈiːtɪŋ ˈhæbɪt/	(n)	thói quen ăn uống	Developing healthy eating habits is essential.
learning style	/ˈlɜːnɪŋ staɪl/	(n)	phong cách học	His learning style involves hands-on activities.
textbook	/ˈtekstbʊk/	(n)	sách giáo khoa	The textbook provides comprehensive information.
active	/ˈæktɪv/	(adj)	chủ động	She is an active member of the community.
oil lamp	/ɔɪllæm/	(n)	đèn dầu	The old house was lit by oil lamps.
convenient	/kənˈviːniənt/	(adj)	thuận tiện	It's convenient to have a store nearby.

learning facility	/ˈlɜːnɪŋ fəˈsɪləti/	(n)	thiết bị học tập	The university has excellent learning facilities.
provide	/prəˈvaɪd/	(v)	cung cấp	The school provides free meals for students.
allow	/əˈlaʊ/	(v)	cho phép	Parents should allow children to explore.
working place	/ˈwɜːkɪŋ pleɪs/	(n)	nơi làm việc	The new working place is very modern.
family type	/ˈfæməli taɪp/	(n)	loại gia đình	Single-parent families are a common family type.
parents-children relation	/ˈpeərənts ˈtʃɪldrən rɪˈleɪʃn/	(n)	mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái	A healthy parents-children relation is key to good upbringing.
turn down	/tɜːn/ /daʊn/	(phr.v)	vặn nhỏ (âm thanh)	She turned down the volume on the TV.
avoid	/əˈvɔɪd/	(v)	tránh	You should avoid eating too much sugar.
difference	/ˈdɪfrəns/	(n)	sự khác biệt	There's a significant difference between these two products.
exhibition	/ˌeksɪˈbɪʃn/	(n)	sự trưng bày, triển lãm	The art exhibition attracted many visitors.
family value	/ˈfæməli ˈvæljuː/	(n)	giá trị gia đình	Family values are the foundation of our society.
make a promise	/meɪk ə ˈprɒmɪs/	(v)	hứa	I made a promise to help her with the project.

B. Grammar

1. Động từ + to-infinitive (động từ nguyên thể có "to"):

Các động từ sau đây thường được theo sau bởi một động từ nguyên thể có "to":

- **Want** (muốn)
- **Promise** (hứa)
- **Decide** (quyết định)
- **Agree** (đồng ý)
- **Learn** (học)
- **Plan** (có kế hoạch)

Ví dụ minh họa:

- **Want:** She wants **to travel** around the world.
○ (Cô ấy muốn **đi du lịch** khắp thế giới.)
- **Promise:** He promised **to help** me with my homework.
○ (Anh ấy hứa sẽ **giúp đỡ** tôi làm bài tập về nhà.)
- **Decide:** We decided **to visit** Ha Long Bay next summer.
○ (Chúng tôi đã quyết định **thăm** Vịnh Hạ Long vào mùa hè tới.)
- **Agree:** They agreed **to meet** at the coffee shop.
○ (Họ đã đồng ý **gặp nhau** ở quán cà phê.)
- **Learn:** He learned **to play** the piano when he was a child.
○ (Anh ấy đã học **chơi** piano khi còn nhỏ.)
- **Plan:** We plan **to organize** a charity event.

- (Chúng tôi dự định **tổ chức** một sự kiện từ thiện.)

Động từ	Ví dụ
Want (muốn)	I want to eat something. (Tôi muốn ăn gì đó.)
Promise (hứa)	She promised to call me. (Cô ấy hứa sẽ gọi cho tôi.)
Decide (quyết định)	They decided to go home. (Họ quyết định về nhà.)
Agree (đồng ý)	He agreed to help her. (Anh ấy đồng ý giúp cô ấy.)
Learn (học)	She learned to swim last year. (Cô ấy học bơi năm ngoái.)
Plan (có kế hoạch)	We plan to visit the museum. (Chúng tôi dự định thăm bảo tàng.)
Hope (hy vọng)	I hope to see you soon. (Tôi hy vọng sẽ gặp bạn sớm.)
Manage (xoay xở)	He managed to finish on time. (Anh ấy đã xoay xở để hoàn thành đúng giờ.)
Need (cần)	You need to study harder. (Bạn cần học chăm chỉ hơn.)
Expect (mong đợi)	She expects to win the competition. (Cô ấy mong đợi sẽ thắng cuộc thi.)
Afford (có khả năng)	I can't afford to buy a new car. (Tôi không đủ khả năng mua xe mới.)
Attempt (cố gắng)	She attempted to climb the mountain. (Cô ấy đã cố gắng leo núi.)
Choose (chọn)	They chose to leave early. (Họ chọn rời đi sớm.)
Dare (dám)	He dared to speak up. (Anh ấy dám nói lên .)
Fail (thất bại)	He failed to pass the exam. (Anh ấy đã thất bại trong việc vượt qua kỳ thi.)
Offer (đề nghị)	She offered to help him. (Cô ấy đề nghị giúp đỡ anh ấy.)
Refuse (từ chối)	They refused to cooperate . (Họ từ chối hợp tác .)
Promise (hứa)	He promised to return soon. (Anh ấy hứa sẽ trở lại sớm.)
Seem (dường như)	She seems to be happy. (Cô ấy dường như đang hạnh phúc.)
Tend (có xu hướng)	They tend to talk a lot. (Họ có xu hướng nói nhiều.)
Threaten (đe dọa)	He threatened to leave . (Anh ta đe dọa sẽ rời đi .)
Wish (ước)	I wish to see the manager. (Tôi ước được gặp quản lý.)

2. Động từ + V-ing (động từ đuôi -ing):

Các động từ sau đây thường được theo sau bởi một động từ ở dạng đuôi -ing:

- **Enjoy** (thích)
- **Fancy** (thích)
- **Finish** (kết thúc)
- **Mind** (ngại/ phiền)
- **Avoid** (tránh)
- **Suggest** (đề nghị)

Ví dụ minh họa:

- **Enjoy**: She enjoys **reading** books in her free time.
 - (Cô ấy thích **đọc** sách vào thời gian rảnh.)
- **Fancy**: Do you fancy **going** out for dinner tonight?
 - (Bạn có thích **đi ăn** tối nay không?)
- **Finish**: He finished **writing** the report last night.
 - (Anh ấy đã hoàn thành việc **viết** báo cáo tối qua.)
- **Mind**: Do you mind **waiting** for a few minutes?
 - (Bạn có ngại **chờ** một vài phút không?)
- **Avoid**: She tries to avoid **eating** junk food.
 - (Cô ấy cố gắng tránh **ăn** đồ ăn vặt.)
- **Suggest**: I suggest **taking** a short break before continuing.

- (Tôi đề nghị **ngủ** ngắn trước khi tiếp tục.)

Động từ	Ví dụ
Enjoy (thích)	I enjoy cooking . (Tôi thích nấu ăn .)
Fancy (thích)	Do you fancy going out? (Bạn có thích đi ra ngoài không?)
Finish (kết thúc)	He finished reading the book. (Anh ấy đã kết thúc việc đọc sách.)
Mind (ngại/phiền)	Would you mind closing the door? (Bạn có ngại đóng cửa không?)
Avoid (tránh)	She avoids talking to him. (Cô ấy tránh nói chuyện với anh ta.)
Suggest (đề nghị)	I suggest starting early. (Tôi đề nghị bắt đầu sớm.)
Consider (xem xét)	We are considering moving to a new city. (Chúng tôi đang xem xét việc chuyển đến n một thành phố mới.)
Miss (nhớ)	I miss seeing my friends. (Tôi nhớ việc gặp gỡ bạn bè.)
Practice (luyện tập)	She practices speaking English every day. (Cô ấy luyện tập nói tiếng Anh hàng ngày.)
Risk (liều, mạo hiểm)	He risks losing everything. (Anh ta mạo hiểm mất tất cả.)
Admit (thừa nhận)	She admitted cheating on the test. (Cô ấy thừa nhận đã gian lận trong kỳ thi.)
Appreciate (đánh giá cao)	I appreciate your helping me. (Tôi đánh giá cao việc bạn giúp đỡ tôi.)
Avoid (tránh)	He avoids making mistakes. (Anh ấy tránh việc phạm sai lầm.)
Consider (xem xét)	They are considering moving to another city. (Họ đang xem xét việc chuyển đến thành phố khác.)
Delay (hoãn lại)	We delayed leaving until it stopped raining. (Chúng tôi đã hoãn rời đi cho đến khi trời tạnh mưa.)
Deny (phủ nhận)	He denied breaking the vase. (Anh ta phủ nhận việc làm vỡ bình hoa.)
Dislike (không thích)	She dislikes working late. (Cô ấy không thích làm việc muộn.)
Endure (chịu đựng)	He can't endure listening to loud music. (Anh ấy không thể chịu đựng được việc nghe nhạc lớn.)
Escape (tránh khỏi)	They escaped being caught. (Họ đã thoát khỏi việc bị bắt .)
Imagine (tưởng tượng)	I can't imagine living in such a big city. (Tôi không thể tưởng tượng việc sống ở một thành phố lớn như vậy.)
Involve (liên quan đến)	The job involves traveling a lot. (Công việc này liên quan đến việc đi lại nhiều.)
Keep (tiếp tục)	She kept talking even when everyone was tired. (Cô ấy tiếp tục nói ngay cả khi mọi người đã mệt mỏi.)
Postpone (hoãn lại)	They postponed meeting until next week. (Họ đã hoãn cuộc gặp đến tuần sau.)
Recall (nhớ lại)	I recall meeting him at the party. (Tôi nhớ lại đã gặp anh ta ở bữa tiệc.)
Resist (chống lại)	She couldn't resist eating the cake. (Cô ấy không thể chống lại việc ăn chiếc bánh.)
Suggest (đề nghị)	He suggested going to the movies. (Anh ta đề nghị đi xem phim.)

C. Practice

I. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation.

Question 1. A. fragrance

A. fry

C. fruit

D. flick

Question 2. A. Flash

B. Fresh

C. Frame

D. Fruit

Question 3. A. fray

B. flake

C. flat

D. flight

- Question 4. A. Flip B. Frame C. Free D. Fresh
 Question 5. A. flee B. flat C. float D. fry
 Question 6. A. frenzy B. flinch C. flat D. flower
 Question 7. A. Float B. Front C. Fridge D. Frog
 Question 8. A. Fly B. Fligh C. Freeze D. Friend
 Question 9. A. fret B. flap C. flat D. flow
 Question 10. A. frenzied B. flinch C. fluke D. flight
 Question 11. A. food B. flu C. fish D. of
 Question 12. A. fan B. phone C. of D. laugh
 Question 13. A. of B. surf C. roof D. father
 Question 14. A. Could B. flower C. flag D. floor
 Question 15. A. Salmon B. Chalk C. Calf D. flu

II. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation.

- Question 1. A. explain B. provide C. finish D. surprise
 Question 2. A. beauty B. easy C. lazy D. reply
 Question 3. A. significant B. diverse C. garnish D. combine
 Question 4. A. vacation B. delicious C. excursion D. holiday
 Question 5. A. simplicity B. American C. obedient D. flexible
 Question 6. A. office B. fluency C. accent D. official
 Question 7. A. architect B. mechanic C. channel D. chemistry
 Question 8. A. alternative B. academic C. variety D. biologist
 Question 9. A. benefit B. impression C. importance D. advantage
 Question 10. A. traditional B. fashionable C. convenient D. compulsor
 Question 11. A. academic B. reputation C. experience D. intermediate
 Question 12. A. primary B. official C. tropical D. language
 Question 13. A. design B. subject C. mention D. pattern
 Question 14. A. religion B. uniform C. opinion D. pagoda
 Question 15. A. include B. combine C. balance D. reduce

III. Mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions. (Vocabulary)

- Question 1. My family has a healthy _____ with regular exercise and a balanced diet.
 A. lifestyle B. taste C. material D. generation
 Question 2. My taste in music is _____ from my parents.
 A. various B. different C. independent D. traditional
 Question 3. We love to _____ outdoors during summer vacation.
 A. play B. work C. study D. design
 Question 4. Our school encourages us to use _____ materials for art projects.
 A. private B. electronic C. natural D. traditional
 Question 5. The success of our school play depends _____ everyone's cooperation
 A. in B. on C. with D. for
 Question 6. Many students use _____ devices to help with their homework.
 A. traditional B. professional C. electronic D. personal
 Question 7. During Tet holiday, we often play _____ games like tug-of-war.
 A. traditional B. various C. family D. different
 Question 8. Students _____ school at 4 PM every day.
 A. leave B. replace C. support D. provide

A. support **B.** allow **C.** avoid **D.** replace

A. family types **B.** working places **C.** living conditions **D.** eating habits

A. designed **B.** played **C.** made **D.** replaced

A. difference **B.** opportunity **C.** freedom **D.** transportation

A. freedom **B.** support **C.** taste **D.** value

A. provide **B.** dye **C.** make **D.** promise

A. tradition **B.** lifestyle **C.** generation **D.** culture

A. provide B. avoid C. pursue D. support

A. different **B.** previous **C.** active **D.** convenient

A. take note **B. make promise** **C. turn down** **D. take care**

A. memorise **B. design** **C. dye** **D. provide**

A. support **B.** replace **C.** avoid **D.** provide

A. private **B.** independent **C.** democratic **D.** traditional

A. active **B.** various **C.** traditional **D.** convenient

A. family-oriented B. different C. democratic D. previous

A. professional **B.** family-oriented **C.** private **D.** extended

A. democratic B. extended C. active D. personal

A. independent B. dependent C. different D. various

A. replace **B.** give up **C.** leave **D.** turn down

A. traditional **B.** natural **C.** hi-tech **D.** convenient

A. provide **B.** design **C.** replace **D.** use

A. family-oriented B. private C. traditional D. various

A. designed **B. replaced** **C. dyed** **D. supported**

A. ride **B. play** **C. avoid** **D. use**

Question 33. My grandfather shows me how to use _____ farming tools like the plow.
A. private B. electronic C. independent D. **traditional**

Question 34. I _____ to study hard for the upcoming exams.
A. avoid B. memorise C. **promise** D. pursue

Question 35. Bicycles are a common form of _____ for students in my town.
A. performance B. **transportation** C. education D. design

Question 36. My parents believe that _____ is the key to a bright future.
A. performance B. opportunity C. **education** D. transportation

Question 37. Our school choir gives a _____ every year at the cultural festival.
A. **performance** B. opportunity C. education D. transportation

Question 38. Many high school students attend _____ training courses during summer.
A. traditional B. democratic C. **professional** D. convenient

Question 39. We wear _____ costumes like ao dai for special school events.
A. independent B. **traditional** C. professional D. various

Question 40. Our school promotes healthy _____ by offering nutritious lunches.
A. **eating habits** B. learning styles C. family types D. family values

Question 41. Every student has a different _____, some prefer visual aids while others learn best by listening.
A. eating habit B. **learning style** C. family type D. personal value

Question 42. We use _____ provided by the school for most of our subjects.
A. learning styles B. eating habits C. **textbooks** D. learning facilities

Question 43. Our teacher encourages us to be _____ participants in class discussions.
A. professional B. various C. **active** D. traditional

Question 44. In the past, students in remote areas often studied by _____ at night.
A. **oil lamps** B. electronic devices C. hi-tech appliances D. learning styles

Question 45. The school library is very _____ for students to do research and study.
A. active B. **convenient** C. various D. private

Question 46. Our school has modern _____ like computer labs and science rooms.
A. **learning facilities** B. professional trainings C. family values D. eating habits

Question 47. The school _____ free lunches for students from low-income families.
A. replaces B. designs C. **provides** D. supports

Question 48. Our school _____ students to bring their own devices for educational purposes.
A. promises B. **allows** C. provides D. designs

Question 49. My mother's _____ is a modern office building in the city center.
A. transportation B. **working place** C. learning style D. professional training

Question 50. The most common _____ in our neighborhood is the nuclear family.
A. learning style B. family value C. **family type** D. transportation

IV. Mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions. (Grammar)

Question 1. He decided _____ his lifestyle to improve his health.
A. changing B. to change C. change D. to changing

Question 2. They enjoy _____ traditional games during family gatherings.
A. playing B. to play C. play D. to playing

Question 3. She promised _____ her electronic devices less to focus on her studies.
A. using B. to using C. use D. to use

Question 4. We plan _____ our extended family during the holidays.
A. visiting B. to visit C. visit D. to visiting

Exercise 2:

- a. Firstly, technology has changed the way we learn and communicate.
- b. Lastly, it prepares us for a world that is increasingly reliant on digital skills.
- c. In particular, electronic devices help us access information quickly and easily.
- d. Additionally, technology makes learning more engaging and interactive.
- e. Moreover, we can collaborate with classmates on projects using online tools.

A. a-c-e-d-b.

B. e-d-c-b-a.

C. c-d-b-e-a.

D. a-c-b-d-e.

Exercise 3:

- a. Furthermore, we should depend on natural materials for our daily needs to protect the environment.
- b. Also, it's important to support each other in maintaining healthy habits as a family.
- c. Firstly, having a healthy lifestyle is crucial for our well-being.
- d. In addition, spending time outdoors helps us stay active and enjoy nature.
- e. Moreover, it involves regular exercise and balanced eating habits.
- f. Finally, by choosing a healthy lifestyle, we can improve our living conditions and overall happiness.

A. c-e-d-a-b-f

B. c-e-d-a-f-a.

C. b-c-d-a-f-e.

D. a-d-b-e-f-c.

Exercise 4:

- a. Ultimately, while Vietnam has embraced modernization, it still cherishes its rich traditions and values.
- b. In the past, people had simpler eating habits and relied on local ingredients.
- c. Firstly, the lifestyle of Vietnamese people has transformed dramatically in recent years.
- d. However, modern life has led to a shift towards convenience, with more people using electronic devices.
- e. Moreover, families often engaged in communal activities, creating strong ties among members.
- f. Additionally, many students now study in private schools, providing them with various learning opportunities.

A. c-b-e-f-a-d.

B. b-f-c-a-e-d.

C. c-b-e-d-f-a.

D. b-f-d-a-e-c.

Exercise 5:

- a. Schools now have more modern equipment and resources.
- b. Because of these changes, students are more interested in their studies.
- c. For example, new teaching methods and updated lessons are used.
- d. And as a result, learning has become more enjoyable and effective.
- e. The education system in Vietnam has improved a lot recently.

A. e-c-a-b-d

B. e-a-c-b-d

C. e-c-b-a-d

D. e-c-d-b-a

Exercise 6:

- a. Then, schools were equipped with more modern equipment and resources.
- b. Finally, learning became more enjoyable and effective for students.
- c. First, the education system in Vietnam was improved a lot.
- d. After that, students became more interested in their studies.
- e. Next, new teaching methods and updated lessons were introduced.

A. c-a-e-d-b

B. c-e-a-d-b

C. c-a-d-e-b

D. c-e-d-a-b

Exercise 7:

- a. First, Vietnamese lifestyles have changed a lot with electronic devices.
- b. Next, students now use electronic devices for learning every day.
- c. Finally, it's important to have a balance between screen time and outdoor activities.
- d. Dear Anh, I've been thinking about how technology affects our lives.
- e. Take care!

A. d-a-b-c-e

B. a-b-c-d-e

C. d-b-a-c-e

D. d-a-c-b-e

Exercise 8:

- a. First, in the past, Vietnamese people used traditional farming tools.
- b. Dear Hoa, I hope you're doing well! I've been thinking about farming in Vietnam.

- c. Now, many farmers use hi-tech tools to work better.
 d. This change helps farmers have more food and better lives.
 e. Take care!

Chỉ 100k/12 tháng, bạn tải rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay tại: Giaoandethitienganh.info

A. b-a-c-d-e

B. a-c-b-d-e

Mong bạn ghé ủng hộ !
 C. b-c-a-d-e

D. a-b-c-d-e

Exercise 9:

- a. Dear Lan, I hope this message finds you well! I've been thinking about our cultural heritage.
 b. Secondly, children learned the importance of teamwork and respect for the environment through these games.
 c. Furthermore, today, there is a growing interest in preserving these traditions while embracing modern lifestyles.
 d. Firstly, many traditional games involve natural elements, which were commonly found in rural areas.
 e. Finally, take care!

A. a-b-c-d-e

B. a-d-b-c-e

C. a-b-c-d-e

D. a-c-b-d-e

Exercise 10:

- a. In the past, Vietnamese families had a more traditional lifestyle that focused on community and family values.
 b. Dear Minh, I hope you're doing well! I've been reflecting on the changes in Vietnamese lifestyles over the years.
 c. Now, many people prioritize individual freedom and personal choices.
 d. Firstly, the younger generation is more independent and often pursues their dreams without relying on family expectations.
 e. Also, technology has made it easier for us to connect with others and access information.
 f. Best wishes.

A. b-c-a-e-f-d

B. a-f-e-c-b-d

C. b-d-a-c-e-f

D. a-f-e-c-b-d

VI. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

1.

Teenagers do not spend as much money as their parents suspect – at least not according to the findings of a (1) _____ survey. The survey (2) _____ 300 teenagers, 13 - 18 years old, from all over Britain. By the time they reach their teens, most children see their weekly (3) _____ rise dramatically to an amazing national average of £20. Two thirds think they (4) _____ enough money, but most expect to have to do something to get it.

Although they have more cash, worry about debt is (5) _____ among teenagers. Therefore, the majority of children make an effort to (6) _____ some aside for the future.

Greater access (7) _____ cash among teenagers does not, however, mean that they are more irresponsible (8) _____ a result. Instead of wasting (9) _____ pocket money they have on sweets or magazines, the 13-year-olds who took part in the survey seem to (10) _____ to the situation by saving more than half of their cash.

1. A. late

B. recent

C. latest

D. fresh

2. A. included

B. contained

C. counted

D. enclosed

3. A. allowance

B. support

C. bonus

D. profit

4. A. accept

B. earn

C. make

D. get

5. A. gaining

B. heightening

C. increasing

D. building

6. A. put

B. save

C. spare

D. keep

7. A. to

B. with

C. from

D. along

8. A. like

B. as

C. for

D. in

9. A. that

B. whether

C. which

D. what

10. A. reply

B. answer

C. respond

D. return

2.

Children's playtime and activities in Vietnam changed (1)_____ from previous generations. Decades ago, children spent most of (2)_____ free time playing traditional games like tug-of-war, hide-and-seek, and kite flying in open fields or village squares. These outdoor activities, (3)_____ not only provided physical exercise but also fostered a sense of community among children, were an integral part of growing up in Vietnam. (4)_____, the rise of (5)_____ devices has revolutionized the way children spend their leisure time. Today, many young people are more likely to be found indoors, engaging with video games, social media, or online learning platforms. Although these devices offer educational benefits and access to (6)_____ wealth of information, they have also contributed to a more sedentary lifestyle. Moreover, the shift from outdoor to indoor play has resulted in fewer opportunities for children to develop social skills and build relationships with their peers in a traditional setting.

1. A. slightly B. dramatically C. rarely D. minimally
2. A. their B. them C. her D. our
3. A. which B. who C. that D. when
4. A. Therefore B. However C. Additionally D. Consequently
5. A. electronic B. traditional C. outdoor D. physical
6. A. a B. an C. the D. 0

3. Vietnamese people used to rely (1)_____ natural materials for their daily lives and farming tools. Items made (2)_____ bamboo or wood were common and were often passed down in families. These traditional farming tools helped with planting and harvesting crops. (3)_____, modern technology has changed this way of life. Today, farmers use (4)_____ machines that make their work easier and faster. Because of these machines, they can grow more food in less time. (5)_____, many homes are now built with concrete and bricks instead of wood, (6)_____ can be stronger but may also harm the environment. Although these changes have improved productivity, they also raise questions about sustainability and the loss of traditional skills.

1. A. on B. in C. with D. for
2. A. for B. of C. about D. by
3. A. Therefore B. Nevertheless C. Moreover D. However
4. A. an B. the C. a D. 0
5. A. Unfortunately B. Finally C. Furthermore D. Similarly
6. A. that B. who C. which D. whom

4. Education in Vietnam has changed a lot (1)_____ the years. A long time ago, students studied in simple classrooms with only a few books and (2)_____ chalkboard. They often had to study by the light of oil lamps at home. However, today's schools are much better equipped, (3)_____ helps to support students' learning. Many have computers, libraries, and science labs. Because of these improvements, students can learn more effectively. (4)_____, the subjects taught in schools have expanded to include technology and foreign languages, preparing students for the future. Although there are still challenges, like crowded classrooms, these changes have helped many students gain better (5)_____ in life.

1. A. over B. during C. of D. in
2. A. a B. an C. the D. any
3. A. that B. which C. who D. when
4. A. Additionally B. Therefore C. However D. Moreover
5. A. opportunities B. challenges C. experiences D. knowledge

5. In traditional Vietnamese culture, family life was centered around the extended family, (1)_____ included grandparents, parents, children, and often aunts, uncles, and cousins living together in one household. This lifestyle promoted strong family bonds and ensured that everyone supported one another, (2)_____ in difficult times. (3)_____ this way of living fostered a sense of security and belonging, it also came with

challenges, such as a lack of privacy. Today, many families have shifted towards (4)_____ nuclear family structure, (5)_____ parents and their children live separately from other relatives. This change has been driven by urbanization, as more young people move to cities for better job opportunities. (6)_____, living independently allows individuals to pursue their personal goals and interests. However, this shift can lead (7)_____ weaker family ties, as younger generations may not visit their grandparents or extended family as often as before. The balance between maintaining family (8)_____ and pursuing personal freedom is a significant aspect of modern Vietnamese life.

- | | | | |
|--------------------------|---------------------|----------------|--------------------|
| 1. A. which | B. who | C. that | D. where |
| 2. A. especially | B. rarely | C. sometimes | D. usually |
| 3. A. Although | B. Because | C. Since | D. If |
| 4. A. a | B. the | C. an | D. this |
| 5. A. When | B. Where | C. Which | D. As |
| 6. A. However | B. Therefore | C. Furthermore | D. Moreover |
| 7. A. to | B. for | C. with | D. in |
| 8. A. connections | B. responsibilities | C. traditions | D. values |

VII. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

1.

Vietnam Lifestyle: Then and Now

Vietnam has seen significant changes in lifestyle over the past few decades. In the past, most families followed a traditional lifestyle centered around agriculture and community. People relied on **natural materials** for their daily needs and engaged in traditional games during festivals. Today, many families have adopted a more modern lifestyle with the use of electronic devices and greater **independence** in choosing their careers and education. This shift has created new opportunities but has also changed family dynamics, as younger generations are more influenced by global culture.

Question 1: What is the main topic of the passage?

- | | |
|---|--|
| A. Changes in Vietnam's agricultural practices | B. The influence of global culture on Vietnam |
| C. Vietnam's lifestyle: Then and now | D. Traditional games played in Vietnam |

Question 2: The phrase "natural materials" in the passage most likely refers to:

- | | |
|--------------------------------|---|
| A. Man-made products | B. Materials derived from nature |
| C. High-tech appliances | D. Modern farming tools |

Question 3: According to the passage, what is one aspect of modern life in Vietnam?

- | | |
|---|---|
| A. Increased reliance on agriculture | B. Use of electronic devices |
| C. Focus on traditional games | D. Greater importance of family gatherings |

Question 4: The word "independence" in the passage refers to:

- | | |
|--|--------------------------------------|
| A. Freedom to choose one's own path | B. Dependence on family |
| C. Traditional values | D. Support from the community |

Question 5: How have family dynamics changed in Vietnam according to the passage?

- | | |
|--|--|
| A. Families are less connected to their communities | B. Younger generations are more independent |
| C. Traditional games are played more frequently | D. Families are larger than before |

KEY Question 1: C Question 2: B Question 3: B Question 4: A Question 5: B

2.

Traditional and Modern Lifestyles of Vietnamese People

The lifestyle of Vietnamese people has undergone significant changes from the past to the present. In the past, many families relied on traditional agriculture, using simple farming tools and often riding buffaloes to help their parents in the fields. **Family values were highly emphasized**, with extended families living together and supporting one another. Today, life has become more modern with the advent of electronic devices. Students have more opportunities to learn and connect through the internet, allowing for greater **independence** in their

lives. However, Vietnamese people still maintain healthy eating habits and often play outdoors to stay fit. Although lifestyles have changed, family values and strong connections remain vital aspects of Vietnamese culture.

1. What is the main topic of the passage?

- A. The importance of family values in Vietnam
- B. The evolution of Vietnamese agriculture
- C. Traditional and modern lifestyles of Vietnamese people
- D. The impact of technology on Vietnamese education

2. The phrase "family values were highly emphasized" in the passage means _____.

- A. Family values were unrecognized
- B. Family values were important
- C. Family values were rarely discussed
- D. Family values were ignored

3. According to the passage, how has the lifestyle of Vietnamese people changed?

- A. They have reverted to traditional farming methods.
- B. They spend more time with extended family.
- C. They no longer participate in agriculture.
- D. They have greater access to electronic devices for education.

4. The word "independence" in the sentence "allowing for greater independence in their lives" refers to _____.

- A. The lack of support from family
- B. The freedom to make personal choices
- C. The ability to live without family
- D. The reliance on traditional methods

5. According to the passage, which statement is NOT true about the lifestyles of Vietnamese people?

- A. Family values remain important in Vietnamese culture.
- B. Vietnamese people maintain healthy eating habits.
- C. All students have abandoned outdoor activities.
- D. Traditional farming methods are still in use.

KEY 1C 2B 3D 4B 5C

3.

The Lifestyle of Older and Younger Generations

The lifestyles of older and younger generations show significant contrasts. The older **generation** often relies on traditional farming tools and enjoys simple pleasures, spending time with their extended family and taking care of their gardens. They value face-to-face interactions and family-oriented activities. In contrast, our generation has grown up in a digital age where technology is paramount. We frequently use **hi-tech appliances** and computers for education and entertainment. While the older generation emphasizes hard work and community, we tend to pursue our dreams independently and are more open to **various** career paths. Despite these differences, both generations can learn from one another, creating a harmonious balance between tradition and modernity.

1. What is the main topic of the passage?

- A. The differences between older and younger generations
- B. The history of farming tools
- C. The impact of technology on education
- D. The role of family in society

2. The word "generation" in the passage refers to _____.

- A. A specific age group
- B. A type of farming
- C. A method of education
- D. A family structure

3. According to the passage, how does the older generation typically spend their time?

- A. Using technology for entertainment
- B. Growing crops and spending time with family
- C. Traveling to new places
- D. Attending professional training courses

4. The phrase "hi-tech appliances" in the passage refers to _____.

- A. Traditional tools used in farming
- B. Modern technology used in daily life
- C. Items used for gardening
- D. Equipment for outdoor activities

5. According to the passage, what is a key characteristic of the younger generation's lifestyle?
- A. Emphasis on traditional values B. Preference for face-to-face interactions
C. Independence in pursuing their dreams D. Reliance on extended family support
6. The word "various" in the passage means ____.
- A. Similar B. Diverse C. Limited D. Unchanging
7. According to the passage, what can both generations learn from each other?
- A. How to use traditional farming tools
B. The importance of technological advancements
C. The value of balancing tradition and modernity
D. How to raise a family effectively

KEY 1A 2A 3B 4B 5C 6B 7C

4.

Changing Lifestyles: The Rise of Motorbikes in Vietnam

In the old days, Vietnamese roads were seen with bicycles and a few trucks. Now they are full of a variety of vehicles. The Vietnamese carry a huge load of a variety of goods up to over one hundred kilograms, especially during the war. Time has gone by and fewer bikes are visible in the street. In big cities, many people think that bicycles belong to the inferior classes and seem unfashionable. That is why people often find it hard - psychologically and physically - to park their bikes when going to a modern cafe or shopping malls. Motorbikes are the main mode of transport in Viet Nam, with 24 million of them in a country of 87 million people in 2009, one of the highest ratios in the world. More motorbikes of all brands have dominated the road.

The mobility which motorbikes provide is so crucial to workers in big cities. Some youths try to show off with expensive motorbikes of famous brands. Almost anything can be transported on a motorcycle. The loads include baskets of fruits, tree trunks, live pigs, flocks of live ducks and stacked crates of raw eggs. Two thirds of Viet Nam's population of 85 million are under 30, and the motorcycle has become the center of youth culture.

Chỉ 100k/12 tháng, bạn tải rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay tại: Giaoandethitienganh.info
Mong bạn ghé ủng hộ !

1. What was the primary mode of transportation in Vietnam in the past?
- A. Cars B. Bicycles C. Trucks D. Buses
2. How many motorbikes were there in Vietnam in 2009?
- A. 10 million B. 24 million C. 50 million D. 87 million
3. What do many people in urban areas think about bicycles today?
- A. They are the most convenient option. B. They are fashionable and trendy.
C. They belong to inferior classes. D. They are essential for transportation.
4. How do motorbikes contribute to the daily lives of people in Vietnam?
- A. They provide a way to socialize.
B. They are only used for racing.
C. They enable the transportation of various goods.
D. They are used primarily for long-distance travel.
5. What has become a symbol of youth culture in Vietnam?
- A. Bicycles B. Cars C. Motorbikes D. Buses
6. Which of the following statements is NOT TRUE about transportation in Vietnam?
- A. Motorbikes have replaced bicycles in popularity.
B. Bicycles are still commonly used in rural areas.
C. Motorbikes can carry a wide range of goods.
D. The majority of the population prefers bicycles over motorbikes.

KEY 1B 2B 3C 4C 5C 6D

5.

Changes in Vietnamese Youth Culture Since 1990

Before 1990, the lifestyle of Vietnamese teenagers was largely family-oriented and influenced by traditional values. Most young people lived in extended households, where multiple generations shared their lives together. They had limited opportunities and often depended on their families for guidance. However, since the 1990s, there has been a significant shift. Teenagers have gained more independence and access to information, allowing them to pursue their interests and ambitions. The rise of technology has created new trends in fashion and communication, leading to a lifestyle that is more westernized and diverse. While privacy has become increasingly important, the strong sense of family remains a vital part of their lives.

1. What significant shift occurred in the lifestyle of Vietnamese teenagers since 1990?

- A. Increased family dependence
- B. Greater independence and access to information
- C. Less focus on education
- D. Return to traditional values

2. How did the rise of technology affect Vietnamese youth?

- A. It limited their communication options
- B. It introduced new trends in fashion and communication
- C. It made traditional values more prominent
- D. It discouraged them from pursuing their interests

3. What aspect of family life remained important for Vietnamese teenagers?

- A. Independence from their families
- B. Strong sense of family values
- C. Living alone
- D. Disregarding family traditions

4. Which generation was primarily affected by the changes in lifestyle after 1990?

- A. Children born before 1990
- B. Elderly individuals
- C. Vietnamese teenagers
- D. Adults with traditional jobs

5. What did Vietnamese teenagers gain more of compared to before 1990?

- A. Limited opportunities
- B. Cultural isolation
- C. Independence and ambition
- D. Focus on household duties

6. Which of the following statements is NOT TRUE about the lifestyle changes of Vietnamese teenagers?

- A. They became more influenced by western culture.
- B. They focused solely on traditional family values.
- C. They experienced a shift towards more diverse lifestyles.
- D. They became more independent and self-reliant.

KEY: 1.B 2.B 3.B 4C 5.C 6.B

VIII. Read the announcement/management paragraph and then choose the correct answer from options A, B, C, D.

Advertisement: Share Your Travel Adventures 🌍✈️

Title: Discover Vietnam's Hidden Gems!

Have you visited (1) _____ amazing place in Vietnam recently? ☀️ Tell us about your adventures and what you have discovered! Whether you have explored (2) _____ bustling city or enjoyed (3) _____ delicious street food, we want to hear from you. 🏠📸

Join us at [VietnamTravelStories.com] and share your experiences and tips. Inspire others with your journey and help them find new places to explore! ☀️🗺️

- | | | | |
|--------------------------|----------------|------------------|---------------|
| Question 1: A. a | B. the | C. an | D. no article |
| Question 2: A. at | B. in | C. on | D. of |
| Question 3: A. delicious | B. deliciously | C. deliciousness | D. delight |

Advertisement: Embrace Vietnamese Culture 🎉

Title: Celebrate Traditional Festivals!

Have you participated in (1) _____ traditional festival (2) _____ Vietnam? 🌸 Share your experience and tell us how it compares to celebrations you have attended before. Whether it was (3) _____ cultural performance or local cuisine, we want to hear your story! 🎊🥰
Join us at [VietnamCultureFest.com] to connect with others who love celebrating Vietnam's rich heritage!

- Question 1: A. a B. the C. an D. no article
Question 2: A. on B. in C. at D. with
Question 3: A. traditional B. traditionally C. tradition D. traditionalist

Advertisement: Healthy Living in Vietnam 🌱

Title: Promote a Healthy Lifestyle!

Are you following (1) _____ healthy lifestyle in Vietnam? 🥗 Share your tips and how you stay active! Have you tried (2) _____ new exercise routine or (3) _____ natural ingredients in your meals? We want to know! 💪🥦
Join us at [HealthyVietnamLife.com] to inspire others to live healthier!

- Question 1: A. a B. the C. an D. some
Question 2: A. at B. in C. on D. of
Question 3: A. natural B. naturally C. nature D. natures

Advertisement: Exploring Family Values 👨👩👧👦

Title: Share Your Family Stories!

What does (1) _____ family mean to you? 🏠 Share how your family values have changed over the years in Vietnam. Have you noticed different family types emerging? Whether it's (2) _____ gatherings or celebrations, we want to hear your insights! 💖📖
Join us (3) _____ [VietnamFamilyStories.com] to discuss and share your family experiences!

- Question 1: A. a B. the C. an D. no article
Question 2: A. family B. familiar C. familial D. famously
Question 3: A. at B. in C. with D. of

Advertisement: Modern Education in Vietnam 📚

Title: Share Your Learning Experiences!

How has (1) _____ education changed in Vietnam over the years? 🎓 Share your experiences with new teaching methods and learning styles! Have you tried (2) _____ different ways to study or used (3) _____ electronic devices for your homework? Let's learn from each other! 🖋💡
Join us at [ModernVietnamEducation.com] to exchange ideas and resources!

- Question 1: A. a B. the C. an D. no articles
Question 2: A. at B. in C. with D. for
Question 3: A. electronic B. electronically C. electron D. electrifying

Discover How Vietnam Has Changed! 🌟

We invite you to a special event about how Vietnam has changed over time! 🇻🇳 ✨


 **Topic:** Vietnam Then and Now

 **Date:** September 20, 2024


 **Time:** 2:00 PM - 4:00 PM

 **Location:** At (1) _____ Cultural Center, 456 Heritage Road, Hanoi

Join us at the Cultural Center (2) _____ Hanoi on September 20 for a journey through Vietnam's transformation from the past to today. We will discuss old traditions and new ways of life. 🌿 🏰

 **Meet special speakers** who will share their insights on these changes.

Don't miss this chance to (3) _____ more about Vietnam's rich culture! 🎉

 Register now at [EventRegistration.com] to save your place!

We can't wait to see you!

Best,

The Event Team

- Question 1: A. a B. the C. an D. some
Question 2: A. at B. at C. in D. on
Question 3: A. learn B. learning C. learns D. learned

Advertisement: Healthy Living in Vietnam! 🌱

Title: Share Your Healthy Lifestyle Tips!

Have you adopted (1) _____ healthy habit recently? 🥗 Living a balanced lifestyle is essential for everyone. Share how you've integrated physical activities or nutritious meals (2) _____ your routine. What (3) _____ changes have you noticed in your well-being? 💪 🍴

Join us at [HealthyLivingVietnam.com] and inspire others to embrace wellness! 🌟 🌿


- Question 1: A. a B. the C. an D. no article
Question 2: A. into B. on C. at D. for
Question 3: A. positive B. positively C. positiveness D. positivity

Announcement: Youth and Independence

Hello Everyone!

We are excited to invite you to a special Talk Show on "Youth and Independence in Vietnam" on November 15, 2024! 🌟

 **Time:** 4:00 PM - 6:00 PM

 **Location:** Youth Center, 456 Future Road, Da Nang

Come and listen to (1) _____ inspiring speakers who will talk about how young people in Vietnam are becoming more independent in their choices and lifestyles. 🌈

Don't miss out! Join us to (2) _____ valuable insights and learn from their experiences.

 Register now (3) _____ [EventRegistration.com] to save your spot!


We can't wait to see you there!



Best,
The Event Team

- Question 1: A. a B. the C. an D. some
Question 2: A. gain B. gaining C. gains D. gained
Question 3: A. in B. for C. at D. on

Advertisement 4: Embrace a Healthy Lifestyle!

Title: Share Your Healthy Living Tips!

What (1) _____ activities do you enjoy to maintain a healthy lifestyle?  Whether it's (2) _____ outdoor sports or (3) _____ balanced diet, every choice counts!

Visit [HealthyVietnamLife.com] to share your tips and discover new ways to improve your health!  

- Question 1: A. kinds of B. kind of C. a kind of D. the kind
Question 2: A. play B. playing C. plays D. to play
Question 3: A. a B. an C. some D. the

Discover Vietnam: Past and Present

Experience the transformation of Vietnam from its traditional roots to its vibrant modern era!

1. Life (1) _____ the Past:

In the past, Vietnam's villages thrived on rice planting and animal husbandry. Families lived closely, and customs and festivals celebrated a rich (2) _____ cultural heritage. Life was centered around peace and simple pleasures.

2. Life Today:

Today, cities like Ho Chi Minh City and Hanoi are dynamic and (3) _____. Technology drives daily life, with bustling markets and rapid progress blending with traditional values.

Explore Vietnam: Where Tradition Meets Modernity

- Question 1: A. at B. for C. in D. on
Question 2: A. the B. a C. an D. no article
Question 3: A. ancient B. modern C. rural D. traditional

IX. Complete the sentence.

- Question 1: I really want _____ (learn) how to play the guitar.
Question 2: She promised _____ (help) me with my homework.
Question 3: They decided _____ (go) on a trip to the beach.
Question 4: He agreed _____ (join) us for dinner.
Question 5: We plan _____ (visit) our grandparents this weekend.
Question 6: I enjoy _____ (read) books in my free time.
Question 7: She finished _____ (write) her report before the deadline.
Question 8: Do you mind _____ (open) the window? It's a bit warm in here.
Question 9: They avoid _____ (eat) junk food for better health.
Question 10: I suggested _____ (watch) a movie tonight.
Question 11: He wants _____ (become) a successful chef.
Question 12: She promised _____ (call) me later.
Question 13: We decided _____ (start) a new project next month.

- Question 14:** They agreed _____ (share) their resources with the team.
Question 15: I plan _____ (take) a vacation next summer.
Question 16: I enjoy _____ (go) hiking on weekends.
Question 17: He finished _____ (paint) the house last week.
Question 18: Do you mind _____ (help) me with this task?
Question 19: They avoid _____ (spend) too much time on social media.
Question 20: I suggested _____ (try) the new restaurant in town.

Đáp án

- | | | | | |
|-------------|-------------|---------------|--------------|--------------|
| 1. to learn | 5. to visit | 9. eating | 13. to start | 17. painting |
| 2. to help | 6. reading | 10. watching | 14. to share | 18. helping |
| 3. to go | 7. writing | 11. to become | 15. to take | 19. spending |
| 4. to join | 8. opening | 12. to call | 16. going | 20. trying |

X. Arrange the words into complete sentences.

Exercise 1: I / visited / an / old / museum / in / city / last / summer

Exercise 2: We / improved / skills / have / a lot / learned / in / new / our / recently

Exercise 3: During / took / we / many / interesting / photos / the / trip / to / a / national park

Exercise 4: My / friends / have / told / about / their / exciting / recent / adventures / many / stories

Exercise 5: I / new / have / discovered / a / hobby / recently / that / involves / painting

Exercise 6: Last / summer / the / we / enjoyed / festival / in / a / city / very / much

Exercise 7: My / parents / have / encouraged / me / to / pursue / my / dream / of / becoming / a doctor

Exercise 8: They / enjoy / playing / outdoor games / every / weekend / in / the park

Exercise 9: I / promised / to / study / harder / for / the / upcoming / exams / this semester

Exercise 10: We / finished / our / project / on / time / and / presented / it / to / the class

Exercise 11: The / teachers / suggested / organizing / a / field trip / to / the / historical site

Exercise 12: I / avoided / eating / junk food / during / the / holiday / to / stay / healthy

Exercise 13: She / decided / to / join / the / art / club / at / school / this year

Exercise 14: We / fancy / visiting / the / new / cultural center / next / weekend

Exercise 15: My / family / enjoys / spending / time / together / during / the / holidays

Exercise 16: They / plan / to / renovate / their / house / next / month

Exercise 17: He / learned / to / ride / a / bicycle / when / he / was / five years old

Exercise 18: We / are / excited / about / participating / in / the / upcoming / sports event

Exercise 19: I / found / an / interesting / book / that / discusses / Vietnamese culture

Exercise 20: They / have / shared / many / wonderful / experiences / during / their / travels / abroad

Đáp án:

Exercise 1: Answer: I visited an old museum in the city last summer.

Exercise 2: Answer: We have learned a lot of new skills recently.

Exercise 3: Answer: We took many interesting photos during the trip to a national park.

Exercise 4: Answer: My friends have told many stories about their exciting recent adventures.

Exercise 5: Answer: I have discovered a new hobby that involves painting recently.

Exercise 6: Answer: We enjoyed the festival in the city very much last summer.

Exercise 7: Answer: My parents have encouraged me to pursue my dream of becoming a doctor.

Exercise 8: Answer: They enjoy playing outdoor games in the park every weekend.

Exercise 9: Answer: I promised to study harder for the upcoming exams this semester.

Exercise 10: Answer: We finished our project on time and presented it to the class.

Exercise 11: Answer: The teachers suggested organizing a field trip to the historical site.

Exercise 12: Answer: I avoided eating junk food during the holiday to stay healthy.

Exercise 13: Answer: She decided to join the art club at school this year.

Exercise 14: Answer: We fancy visiting the new cultural center next weekend.

Exercise 15: Answer: My family enjoys spending time together during the holidays.

Exercise 16: Answer: They plan to renovate their house next month.

Exercise 17: Answer: He learned to ride a bicycle when he was five years old.

Exercise 18: Answer: We are excited about participating in the upcoming sports event.

Exercise 19: Answer: I found an interesting book that discusses Vietnamese culture.

Exercise 20: Answer: They have shared many wonderful experiences during their travels abroad.

XI. Listening.

Grandchild An: Grandma, can you tell us what Vietnam was like a long time ago?

Grandmother Hoa: Sure, An. A long time ago, Vietnam was very different. People lived in small villages and did a lot of work on their farms. They grew rice and vegetables, and life was simple. They didn't have many modern things like we have today.

Grandchild Mai: How is life different now?

Grandmother Hoa: Today, Vietnam has changed a lot. In big cities like Hanoi and Ho Chi Minh City, there are tall buildings, busy streets, and many new technologies. People use cars and phones, and there are many shops and restaurants. Life is more comfortable, but it's also very busy.

Grandchild An: What do you miss about the old times?

Grandmother Hoa: I miss the way people used to live close to each other and help one another. In the past, families and neighbors were very connected and shared everything. They celebrated together and cared for each other in a simple way.

Grandchild Mai: Can we still keep the good things from the old times while living today?

Grandmother Hoa: Yes, we can. Even though life has changed, it is still important to remember and keep good values like respect, honesty, and love for family. We can mix these old values with new things to make our lives better and happier.

Grandchild An: Thank you for telling us these stories, Grandma. They are very interesting.

Grandmother Hoa: I'm glad you liked them. I hope you remember these stories and the lessons they teach. It's important to understand and appreciate both the past and the present.

Grandchild Mai: We will, Grandma. Thank you for sharing your memories with us.

Grandmother Hoa: You're welcome. I enjoy sharing these stories with you. It's a way to keep our family's history alive.

1. (True/False)

1. Vietnam was richer in the past.

False (Vietnam was poorer in the past.)

2. People used to live in big cities with many new things.

False (People used to live in small villages without many new things.)

3. Today, there are tall buildings and busy streets in Vietnam.

True (Today, Vietnam has tall buildings and busy streets.)

4. In the old days, people helped each other and lived close together.

True (In the old days, people helped each other and lived close together.)

5. It is important to keep old values like respect while using new technology.

True (It is important to keep old values like respect even with new technology.)

2.

1. Where did people live in the past in Vietnam?

A. In cities B. In small villages C. In big houses D. In apartments

2. What did people in the past do for work?

A. They worked on farms B. They worked in offices
C. They worked in schools D. They worked in hospitals

3. How is life today in Vietnam?

A. Simple B. Comfortable C. Quiet D. Slow

4. What does Grandmother Hoa miss from the old days?

A. New technology B. Close relationships C. Busy streets D. Tall buildings

5. What values does Grandmother Hoa think are important?

A. Money and power B. Respect and love C. Fame and success D. Knowledge and skills